

## VÀI NÉT VỀ CƠ CẤU Ý THỨC CỦA NGƯỜI NHẬT BẢN

**HOÀNG HOA**

Trong khoảng 10 năm (1973-1983), xã hội Nhật Bản có nhiều biến động đáng kể. Ví dụ như năm 1973, Nhật vấp phải khủng hoảng dầu lửa. Cú sốc ấy làm cho nền kinh tế có đồ thị đang đi lên bị dao động và có chiều hướng tụt xuống. Năm 1976, sự kiện Lôkhit đã làm chấn động đến nhiều tầng lớp xã hội Nhật Bản. Những biến động xã hội ấy ít nhiều đều tác động đến ý thức con người Nhật Bản, thông qua cách nhìn nhận, đánh giá về mọi lĩnh vực trong đời sống tinh thần. Đó là những định hướng và biến động định hướng về những giá trị cơ bản, về quan điểm chính trị, đời sống văn hóa - xã hội, quan hệ hôn nhân, gia đình, vấn đề thông tin đại chúng.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin nêu một số nét về những vấn đề đã nêu ra, qua kết quả nghiên cứu của các nhà xã hội học Nhật Bản, được tiến hành trong thời gian vừa qua. Cụ thể xin đi vào ba vấn đề chính sau đây :

- Các chỉ tiêu của lối sống.
- Tình cảm - khả năng.
- Vấn đề quan hệ con người.

### **I. Các chỉ tiêu của lối sống.**

Để xác định những đặc trưng của lối sống và các chỉ tiêu của lối sống, các nhà nghiên cứu xã hội học Nhật đã dựa vào hai trục chính sau:

- Hiện tại và tương lai.
- Cá nhân và xã hội.

Dựa trên hai trục chính đó, họ đã xác định được bốn chỉ tiêu cơ bản của lối sống là:

1. Hằng ngày sống một cách vui vẻ và tự do.
2. Tạo ra được một cuộc sống phong phú và có kế hoạch vững chắc cho tương lai,
3. Sống hòa thuận với mọi người xung quanh.
4. Hợp sức cùng mọi người xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Dựa trên cơ sở đó, ông Midasoosukê đã quy chuẩn thành bốn tiêu thức: vui, lợi, yêu, chính.

- Giá trị “vui” đóng vai trò làm thỏa mãn tức thời các nhu cầu của cá nhân.
- Giá trị “lợi” đóng vai trò làm thỏa mãn lâu dài các nhu cầu của cá nhân.

- Giá trị “yêu” đóng vai trò làm thỏa mãn tức thời các nhu cầu xã hội (tức là cho mọi người).
- Giá trị “chính” đóng vai trò làm thỏa mãn lâu dài các nhu cầu của xã hội (cũng là cho mọi người).

Người ta đã lập biểu đồ nêu lên kết quả điều tra về mục tiêu của lối sống trong khoảng thời gian từ năm 1973 đến 1983 là như sau:

		HIỆN TẠI	
		(VUI)	(YÊU)
CÁ NHÂN		22%	35%
		(21%)	31%
		32%	(9%)
		(33%)	(14%)
		TƯƠNG LAI	
		(LỢI)	(CHÍNH)
			XÃ HỘI

Qua biểu đồ trên, dễ nhận thấy mục tiêu vì “lợi” trong việc “*tạo ra cuộc sống phong phú và có kế hoạch vững chắc cho tương lai*” từ 30% (năm 1973) trong khoảng 10 năm (đến 1983) coi như không có gì thay đổi. Mục tiêu vì “vui” trong việc “*hàng ngày sống một cách vui vẻ, tự do*” từ hơn 20% năm 1973, qua 10 năm, tỷ lệ này cũng không thay đổi mấy. Trong khi đó, mục tiêu vì “yêu” trong việc “*hàng ngày sống hòa thuận với mọi người xung quanh*” năm 1973 có 31%, đến 1983 đã lên tới 35%, và ngược với mục này thì việc “*hợp sức với tất cả mọi người xây dựng một xã hội tốt*” của mục tiêu vì “chính” thì những người ủng hộ từ 14%, 10 năm sau giảm dần còn 9%. Như vậy, mục tiêu lối sống vì “chính” chuyển sang phái thiểu số, còn phần lớn đều tập trung vào các chỉ tiêu “vui”, “lợi” và “yêu”.

Đối với các mục tiêu trên, người ta đã tiến hành điều tra theo lứa tuổi và giới tính - kết quả là nam giới từ 10 đến 20 tuổi chưa xây dựng gia đình đều ủng hộ mục tiêu lối sống vì “vui” và “yêu” đó là những chỉ hướng có tính chất cảm tính. Những người trên lứa tuổi 20, mục tiêu của họ chuyển sang “thực lợi” trong việc “*tạo ra cuộc sống phong phú và xây dựng kế hoạch chắc chắn cho tương lai*” vì họ là những người đã có gia đình, mục tiêu của họ đi liền với trách nhiệm trong sinh hoạt, nghề nghiệp và cuộc sống gia đình. Ở lứa tuổi 50, mục tiêu vì “lợi” tăng lên, lứa tuổi 60 trở lại với mục tiêu lối sống vì “yêu” và mong muốn quan hệ hòa thuận với mọi người xung quanh.

Đối với nữ giới, cũng theo lứa tuổi, điều tra cho thấy: với những người chưa lập gia đình, hầu hết đều ủng hộ mục tiêu vì “yêu”, nhưng khi đã xây dựng gia đình và có con cái thì hầu hết đều dốc sức vào củng cố và bảo vệ gia đình, chủ yếu là giáo dục con cái, nội trợ, vì thế họ coi trọng mục tiêu vì “lợi”. Khi bước vào tuổi 50, con cái đã tự lập được thì họ lại trở lại mục tiêu vì “yêu” nhằm có được những năm tháng về già thanh thản và vui vẻ.

## 2. Tình cảm - khả năng.

Để tìm hiểu các mục tiêu giá trị của người Nhật Bản được thể hiện trong tình cảm và khả năng, các nhà nghiên cứu xã hội học Nhật đã tiến hành nghiên cứu một

cách có hệ thống nhiều Khía cạnh của vấn đề đó. Tựu trung lại, họ đã đi vào ba vấn đề chính sau đây:

*a) Đối tượng của công việc.*

- Loại người ít nhiều khó khăn trong giao tiếp nhưng có năng lực rất khá (hướng khả năng).
- Loại người ít nhiều kém năng lực, nhưng trong quan hệ với mọi người dễ hòa nhập (hướng tình cảm).

*b) Cách du lịch.*

- Cuộc du lịch đạt nhiều hiệu quả vui vẻ cao nhất (hướng cảm xúc).
- Du lịch sao cho thích ứng với hoàn cảnh (hướng khả năng).

*c) Cách giao tiếp với một trường xung quanh.*

- Tập trung được ý kiến của mọi người, mà không bị sa vào những câu chuyện vô ích.
- Trao đổi mọi vấn đề trên cơ sở hiểu biết và thân mật.

Kết quả điều tra cho thấy “kiểu du lịch” theo “hướng khả năng” mạnh hơn (hướng tình cảm”. Điều đó không thay đổi trong khoảng thời gian 10 năm (1973 - 1983). Nhưng ở hai lĩnh vực cách “giao tiếp với môi trường xung quanh” và “đối tượng công việc”, “hướng khả năng” trong trường hợp nào cũng giảm và “hướng tình cảm” tăng lên.

### **3. Quan hệ con người.**

Đây là môi quan hệ từ giao tiếp bộ phận đến giao tiếp toàn diện. Qua điều tra, người ta đã thiết lập được ba môi quan hệ giao tiếp cần thiết trong các môi quan hệ của con người. Đó là giao tiếp họ hàng (người cùng huyết thống), giao tiếp hàng xóm (ngoài huyết thống) và giao tiếp nơi làm việc trong tập thể chức năng.

*a) Giao tiếp họ hàng:*

- Ở mức độ lễ nghĩa tạm thời.
- Để có thể đi lại thường xuyên.
- Để trao đổi, giúp đỡ nhau.

*b) Giao tiếp hàng xóm:*

- Ở mức độ chào hỏi khi gặp.
- Để trao đổi không khó khăn lắm.
- Để có thể giúp đỡ hoặc trao đổi.

*c) Giao tiếp bạn bè nơi làm việc:*

- Trong phạm vi quan hệ trực tiếp công việc.
- Vui chơi, nói chuyện sau giờ làm việc.
- Để trao đổi và có thể giúp đỡ nhau.

Theo kết quả điều tra năm 1983 thì tính chất toàn diện trong quan hệ ở nơi làm việc và tính chất bộ phận trong quan hệ hàng xóm tăng lên, hướng quan hệ con người trong 10 năm (kể từ 1973 đến 1983) trong các lĩnh vực từ giao tiếp có tính chất toàn diện đến giao tiếp có tính chất bộ phận về mặt hình thức có thay đổi.

Trước hết, nói về giao tiếp nơi làm việc. Năm 1983, những người có chí hướng giao tiếp toàn diện có hơn 50%. Nếu so sánh tỷ lệ này với 10 năm trước thì giảm. Ngược lại, giao tiếp có tính chất hình thức tăng lên.

Giao tiếp có tính chất bộ phận tăng, phần lớn là những nhà kinh doanh tự do, tầng lớp trung niên, thanh niên.

Bộ phận giao tiếp có tính chất hình thức gồm công nhân, viên chức có kỹ thuật, ngành kỹ thuật hành chính, thợ chuyên, nghệ nhân, ngành dịch vụ buôn bán. Quá trình biến chuyển từng bước trong quan hệ giao tiếp trong sinh hoạt ở nơi làm việc đến sinh hoạt ở nơi làm việc có thay đổi từ mật thiết đến vừa phải. Trong quan hệ họ hàng theo kết quả điều tra thì ở giai đoạn 5 năm đầu, giao tiếp có tính chất toàn diện tăng lên, giao tiếp có tính chất bộ phận thì ở giai đoạn sau không thay đổi.

Tóm lại, nền kinh tế phát triển cao cùng với sự phát triển nhanh chóng của đô thị hóa làm cho không gian sinh hoạt của cá nhân rộng ra và việc di chuyển khu vực của mọi người càng mạnh. Tính cộng đồng tương hỗ do sự lưu nhập của nhiều loại người khác nhau trong khu vực trở nên nghèo đi. Kết quả hướng quan hệ con người khác huyết thống chuyển sang có tính chất bên ngoài và tạm thời. Và dù đó, hướng quan hệ con người vốn dĩ có tính chất truyền thống ở Nhật Bản đã có nhiều thay đổi.

Dựa theo tài liệu *Điều tra cơ cấu ý thức của người Nhật Bản hiện nay*, của Ban điều tra dư luận NHK, 1985